

Số: 254/TB-ĐLDK
Number: 254/TB-DLDK

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2025
Hanoi, ..19.., 12, 2025

**TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY TẠI NGÀY 11/12/2025 ĐỂ
CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG, PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC VÀ PHÁT
HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN CỔ PHẦN
TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**
SUMMARY OF THE COMPANY'S SHAREHOLDER REGISTER
AS AT 11 DECEMBER 2025 FOR THE PURPOSE OF PUBLIC OFFERING,
SHARE ISSUANCE FOR DIVIDEND PAYMENT
AND SHARE ISSUANCE TO INCREASE CHARTER CAPITAL
FROM OWNERS' EQUITY

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

To:

- State Security Commission of Vietnam;
- Hochiminh Stock Exchange.

I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ OWNERSHIP STRUCTURE:

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ Ownership structure by type of shareholder

STT/ No	Đối tượng/ Category	Số lượng cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ sở hữu/Ownership percentage (%)	Số lượng cổ đông/ Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder structure (*)	
					Tổ chức/ Organization	Cá nhân/ Individual
1	Cổ đông Nhà nước State shareholder	1.872.141.477 1,872,141,477	79,94% 79.94%	1 1	1 1	0 0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI Founding shareholder/ FDI shareholder	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
3	Cổ đông lớn Major shareholder	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0

STT/ No	Đối tượng/ Category	Số lượng cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ sở hữu/Ownership percentage (%)	Số lượng cổ đồng/ Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder structure (*)	
					Tổ chức/ Organization	Cá nhân/ Individual
4	Công đoàn Công ty Company Union	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
5	Cổ phiếu quỹ Treasury stock (*)	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) Shareholders owning preferred shares (if any)	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
7	Cổ đông khác Other shareholders	469.730.123 469,730,123	20,06% 20.06%	48.267 48,267	131 131	48.136 48,136
	- Trong nước - Domestic	372.242.350 372,242,350	15,90% 15.90%	47.796 47,796	68 68	47.728 47,728
	- Nước ngoài - Foreign	97.487.773 97,487,773	4,16% 4.16%	471 471	63 63	408 408
	TỔNG CỘNG TOTAL	2.341.871.600 2,341,871,600	100,00% 100.00%	44.268 44,268	132 132	48.136 48,136
	Trong đó: - Trong nước - Of which: - Domestic	2.244.383.827 2,244,383,827	95,84% 95.84%	47.797 47,797	69 69	47.728 47,728
	- Nước ngoài - Foreign	97.487.773 97,487,773	4,16% 4.16%	471 471	63 63	408 408

**2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)/
Ownership structure by major shareholders and professional securities investors (PSEs)**

STT/ No	Đối tượng/ Category	Số lượng cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage (%)	Số lượng cổ đồng/ Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder structure (*)	
					Tổ chức/ Organization	Cá nhân/ Individual
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	0	0	0	0	0

STT/ No	Đối tượng/ Category	Số lượng cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage (%)	Số lượng cổ đồng/ Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder structure (*)	
					Tổ chức/ Organization	Cá nhân/ Individual
	Major shareholders owning 5% or more of the capital stock are not PSEs	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Domestic	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
	- Foreign	0	0	0	0	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên	1.872.141.477	79,94%	1	1	0
	PSE is a major shareholder owning 5% or more of charter capital.	1,872,141,477	79.94%	1	1	0
	- Trong nước	1.872.141.477	79,94%	1	1	0
	- Domestic	1,872,141,477	79.94%	1	1	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	- Foreign	0	0	0	0	0
	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL	286.195.419	12,22%	375	131	244
	PSE is a major shareholder owning less than 5% of charter capital.	286,195,419	12.22%	375	131	244
	- Trong nước	191.037.815	8,16%	310	68	242
	- Domestic	191,037,815	8.16%	310	68	242
	- Nước ngoài	95.157.604	4,06%	65	63	2
	- Foreign	95,157,604	4.06%	65	63	2
TỔNG CỘNG		2.158.336.896	92,16%	376	132	244
TOTAL		2,158,336,896	92.16%	376	132	244

Ghi chú/ Note:

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được định nghĩa tại Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14/ Professional securities investors are defined in Article 11 of Securities Law No. 54/2019/QH14.

- (*): nêu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình/ state the number of organizations and individuals of each type.

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu/ *Shareholder structure by type of share*

a/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập/ *In case of additional listing after additional issuance or merger: Không có/ None*

b/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung sau đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *For additional listing dossiers after the conversion of bonds into shares: Không có/ None*

c/ Các trường hợp khác/ *Other cases:*

Đối tượng/ <i>Category</i>	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng/ <i>Number of shares restricted for transfer</i>	Số lượng CP chuyển nhượng tự do/ <i>Number of freely transferable shares</i>	Tổng cộng/ <i>Total</i>	Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership percentage (%)</i>
I. Người nội bộ <i>I. Insider</i>	20.000 <i>20,000</i>	60.505 <i>60,505</i>	80.505 <i>80,505</i>	0,0034% <i>0.0034%</i>
II. Cổ phiếu quỹ <i>II. Treasury stock</i>				
III. Công đoàn Công ty <i>III. Company Union</i>				
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) <i>IV. Shareholders owning preferred shares (if any)</i>				
V. Cổ đông khác <i>V. Other shareholders</i>	1.194.930.716 <i>1,194,930,716</i>	1.146.860.379 <i>1,146,860,379</i>	2.341.791.095 <i>2,341,791,095</i>	99,9966% <i>99.9966%</i>
1. Trong nước <i>I. - Domestic</i>	1.194.930.716 <i>1,194,930,716</i>	1.049.372.606 <i>1,049,372,606</i>	2.244.303.322 <i>2,244,303,322</i>	95,8337% <i>95.8337%</i>
1.1 Cá nhân <i>1.1 Individual</i>	576.200 <i>576,200</i>	346.173.158 <i>346,173,158</i>	346.749.358 <i>346,749,358</i>	14,8065% <i>14,8065%</i>
1.2 Tổ chức <i>1.2 Organization</i>	1.194.354.516 <i>1,194,354,516</i>	703.199.448 <i>703,199,448</i>	1.897.553.964 <i>1,897,553,964</i>	81,0272% <i>81.0272%</i>
- Trong đó Nhà nước <i>- the State</i>	1.194.354.516 <i>1,194,354,516</i>	677.786.961 <i>677,786,961</i>	1.872.141.477 <i>1,872,141,477</i>	79,9421% <i>79.9421%</i>
2. Nước ngoài <i>2. Foreign</i>		97.487.773 <i>97,487,773</i>	97.487.773 <i>97,487,773</i>	4,1629% <i>4.1629%</i>
2.1 Cá nhân <i>2.1 Individual</i>		4.030.169 <i>4,030,169</i>	4.030.169 <i>4,030,169</i>	0,1722% <i>0.1722%</i>
2.2 Tổ chức <i>2.2 Organization</i>		93.457.604 <i>93,457,604</i>	93.457.604 <i>93,457,604</i>	3,9907% <i>3.9907%</i>
TỔNG CỘNG:	1.194.950.716	1.146.920.884	2.341.871.600	100,0000%

Đối tượng/ Category	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng/ Number of shares restricted for transfer	Số lượng CP chuyển nhượng tự do/ Number of freely transferable shares	Tổng cộng/ Total	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage (%)
TOTAL:	1,194,950,716	1,146,920,884	2,341,871,600	100.0000%

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT/ LIST OF SPECIAL SHAREHOLDERS

STT/ No	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/ Individual	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/ ID card number/Passport number/Business registration number	Ngày cấp/ Date of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu/ Number of Stocks	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (**)
A. Cổ đông nhà nước/ State Shareholder							
1	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam VietNam National Industry - Energy Group	0100681592 0100681592	22/03/2016 22/03/2016	18 Phố Láng Hạ, Phường Giàng Vở, Thành phố Hà Nội 18 Lang Ha, Giang Vo Ward, Hanoi City	1.872.141.477 1,872,141,477	79,94% 79.94%	
Tên người đại diện sở hữu cổ phần Nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết Name of the State ownership representative of shares as a key member of the listed company							
1.1	Hoàng Văn Quang - Chủ tịch HĐQT Hoang Van Quang Chairman of the BOD				584.112.097 584,112,097	24,94% 24.94%	
1.2	Lê Như Linh - TV HĐQT kiêm TGD Le Nhu Linh				468.374.320 468,374,320	20% 20%	

STT/ No	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/ Individual	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/ ID card number/Passport number/Business registration number	Ngày cấp/ Date of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu/ Number of Stocks	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (**)
	- Member of the BOD cum General Director						
1.3	Nguyễn Anh Tuấn - TV HĐQT Nguyen Anh Tuan Member of the BOD				234.187.160 234,187,160	10% 10%	
1.4	Nguyễn Thị Ngọc Bích - TV HĐQT Nguyen Thi Ngoc Bich Member of the BOD				234.187.160 234,187,160	10% 10%	
1.5	Vũ Thị Tố Nga - TV HĐQT Vu Thi To Nga Member of the BOD				234.187.160 234,187,160	10% 10%	
1.6	Nguyễn Hoàng Yến - TV HĐQT Nguyen Hoang Yen Member of the BOD				117.093.580 117,093,580	5% 5%	
Tổng Cộng A					1.872.141.477	79,94%	
Total A					1,872,141,477	79.94%	
B. Cổ đông lớn/ Major shareholder							
Tổng Cộng B							
Total B							
C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholder							
Tổng Cộng C							

STT/ No	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/ Individual	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/ ID card number/Passport number/Business registration number	Ngày cấp/ Date of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu/ Number of Stocks	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (**)
Total C							
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ Founding shareholder/FDI shareholder (in case the Listed Company is an FDI enterprise)							
Tổng Cộng D							
Total D							
Tổng Cộng (A+B+C+D)					1.872.141.477	79,94%	
Total (A+B+C+D)					1,872,141,477	79.94%	

Ghi chú/ Note:

Trường hợp là cổ đông Nhà nước: cần ghi rõ tên người đại diện sở hữu cổ phần nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết (nếu có)/ In the case of a State shareholder: it is necessary to clearly state the name of the representative who owns the state shares as a key member of the listed company (if any).

III. BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/ DETAILS ON SHAREHOLDINGS OF THE INSIDER

1/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập/ In case of additional listing after additional issuance or merger: Không có/ None

2/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung cho đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ For additional listing dossiers after the conversion of bonds into shares: Không có/ None

3/ Trường hợp khác/ Other cases

STT/ No	Họ tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ Freely transferable shares (*)	Tổng cộng/ Total (*)	Tỷ lệ sở hữu %/ Ownership percentage % (*)
1	Hoàng Văn Quang Hoang Van Quang	Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD				

STT/ No	Họ tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ Freely transferable shares (*)	Tổng cộng/ Total (*)	Tỷ lệ sở hữu %/ Ownership percentage % (*)
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam			584.112.097	584.112.097	24,9421%
	<i>Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group</i>			<i>584,112,097</i>	<i>584,112,097</i>	<i>24.9421%</i>
2	Lê Như Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc				
	<i>Le Nhu Linh</i>	<i>Member of the BOD cum General Director</i>				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam			468.374.320	468.374.320	20%
	<i>Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group</i>			<i>468,374,320</i>	<i>468,374,320</i>	<i>20%</i>
3	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT				
	<i>Nguyen Anh Tuan</i>	<i>Member of the BOD</i>				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam			234.187.160	234.187.160	10%
	<i>Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group</i>			<i>234,187,160</i>	<i>234,187,160</i>	<i>10%</i>
4	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT				
	<i>Nguyen Thi Ngoc Bich</i>	<i>Member of the BOD</i>				

STT/ No	Họ tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ Freely transferable shares (*)	Tổng cộng/ Total (*)	Tỷ lệ sở hữu %/ Ownership percentage % (*)
	Sở hữu cá nhân		5.000	36.705	41.705	0,0018%
	Individual ownership		5,000	36,705	41,705	0.0018%
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam			234.187.160	234.187.160	10%
	Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group			234,187,160	234,187,160	10%
5	Vũ Thị Tổ Nga	Thành viên HĐQT				
	Vu Thi To Nga	Member of the BOD				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam			234.187.160	234.187.160	10%
	Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group			234,187,160	234,187,160	10%
6	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT				
	Nguyen Hoang Yen	Member of the BOD				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam			117.093.580	117.093.580	5%
	Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group			117,093,580	117,093,580	5%

STT/ No	Họ tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ Freely transferable shares (*)	Tổng cộng/ Total (*)	Tỷ lệ sở hữu %/ Ownership percentage % (*)
7	Vũ Thị Ngọc Dung	Thành viên Ban Kiểm soát Member of the Supervisory Board				
	Vu Thi Ngoc Dung					
	Sở hữu cá nhân Individual ownership		5.000 5,000	200 200	5.200 5,200	0,0002% 0.0002%
8	Ngô Văn Chiến	Phó Tổng giám đốc Deputy General Director				
	Ngo Van Chien					
	Sở hữu cá nhân Individual ownership		5.000 5,000	1.600 1,600	6.600 6,600	0,0003% 0.0003%
9	Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng giám đốc Deputy General Director				
	Nguyen Duy Giang					
	Sở hữu cá nhân Individual ownership			22.000 22,000	22.000 22,000	0,0009% 0.0009%
10	Nguyễn Đình Thi	Người được ủy quyền công bố thông tin Authorized person to disclose information				
	Nguyen Dinh Thi					
	Sở hữu cá nhân Individual ownership		5.000 5,000		5.000 5,000	0,0002% 0.0002%
TỔNG CỘNG:			20.000	1.872.201.982	1.872.221.982	79,9455%
TOTAL:			20,000	1,872,201,982	1,872,221,982	79.9455%

Ghi chú. Note: Nếu Người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu / : If an

Insider represents capital for another organization as a member of the Board of Directors or Supervisory Board, clearly state the relevant information of the organization and the capital representative in the columns marked with ()*

Đối với số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng, PV Power chỉ xác định được số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng thuộc sở hữu của cá nhân từng cổ đông nội bộ, còn đối với số cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bị hạn chế chuyển nhượng (1.194.354.516 CP) thì không phân chia được cho từng người đại diện do đó vẫn ghi nhận tại cột Cổ phần chuyển nhượng tự do/ For the number of shares restricted from transfer, PV Power can only determine the number of shares restricted from transfer owned by each individual internal shareholder, while for the number of shares representing the capital of Vietnam Oil And Gas Group restricted from transfer (1,194,354,516 shares), it cannot be divided for each representative, so it is still recorded in the column Freely transferable shares.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ As above;
- HĐQT TCT (đề b/c)/ Board of Directors (for reporting);
- TGD TCT (đề b/c)/ General Director (for reporting);
- BKS TCT (đề b/c)/ The Supervisory Board (for reporting);
- PTGD T.V.Phuong (đề b/c)/ Deputy General Director T.V.Phuong (for reporting);
- Lưu: VT, KTKH (NMT)/ Archived: VT, KTKH (NMT).

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
TRƯỞNG BAN KTKH
AUTHORIZED BY THE GENERAL
DIRECTOR
AUTHORIZED REPRESENTATIVE FOR
INFORMATION DISCLOSURE
DIRECTOR OF THE ECONOMIC AND
PLANNING DIVISION**



Nguyễn Đình Thi